

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/DS-ST

Ngày: 11 - 8 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Anh Dũng

2. Ông Nguyễn Đức Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2025/TLST-DS, ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Khúc Thị K, sinh năm 1976; trú tại: Thôn 11, xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trung H, sinh năm 1979; trú tại: A2.3, chung Cư Chờ Đ, Phường Nha Tr, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; trú tại: Thôn 1, xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trung H trình bày:

Ngày 04 tháng 4 năm 2022 bà Khúc Thị K (gọi tắt bà K) cho bà Nguyễn Thị

T (gọi tắt bà T) vay 215.000.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng. Bà T hẹn đến ngày 24/12/2022 sẽ trả số tiền này cho bà K (bà T có ký tên vào giấy vay tiền). Tuy nhiên, từ đó đến nay bà T trốn tránh trách nhiệm trả nợ, không chịu trả số tiền trên cho bà K, dù bà K đã đòi nhiều lần, nên bà K khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền gốc 215.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,2%/tháng tính từ ngày khởi kiện ngày 11/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

- Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 04/4/2022 bà Nguyễn Thị T và bà Khúc Thị K có xác lập với nhau về giấy vay tiền thể hiện bà T có vay của bà K số tiền 215.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế số tiền này xuất phát từ số tiền gốc 90.000.000 đồng trước đó bà T chơi huê với bà K. Sau đó, bà K đã cộng tiền lãi suất với tiền gốc 90.000.000 đồng thành số tiền 215.000.000 đồng, bà K nói với bà T ký và ghi họ tên vào giấy vay tiền ngày 04/4/2022 thì bà T đồng ý ký và ghi họ tên của mình vào giấy vay tiền trên, đến ngày 09/7/2022 bà T và bà K đã thỏa thuận và thống nhất chuyển số nợ 215.000.000 đồng và lãi suất phát sinh thành khoản vay 558.000.000 đồng (các bên có xác lập lại giấy vay tiền), bà T yêu cầu bà K hủy giấy vay tiền ngày 04/4/2022 thì bà K nói với bà T đã hủy giấy vay tiền rồi, nay bà K tiếp tục lấy giấy vay tiền này khởi kiện bà T là không đúng sự thật và số nợ này đã được Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk thụ lý và giải quyết tại Bản án số: 03/2026/DS-ST ngày 27/01/2026, hiện nay Bản án này bà T đang đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị K.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Khúc Thị K số tiền gốc 215.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,2%/tháng tính từ ngày khởi kiện ngày 11/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn bà Nguyễn Thị T trú tại thôn 1, xã Ea Drăng, tỉnh Đắk Lắk, nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khúc Thị K. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị T thừa nhận tại “Giấy vay tiền” ngày 04/4/2022 là chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị T, nên đây là tình tiết, sự kiện có thật không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, giữa bà Khúc Thị K với bà Nguyễn Thị T có xác lập quan hệ vay tài sản với nhau, các bên xác lập giao dịch dân sự trên cơ sở tự nguyện, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng vay tài sản ngày 04/4/2022 được xác lập giữa các đương sự là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, nay bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Khúc Thị K. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị K là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Theo hồ sơ vụ án thể hiện đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, nay bà Khúc Thị K yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả tiền lãi suất chậm trả là 1,2%/tháng tính từ ngày khởi kiện ngày 11/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, mức lãi suất 1,2%/tháng (tương ứng 14,4%/năm) mà các bên đã thỏa thuận thấp hơn mức lãi suất 20%/năm được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau: Từ ngày 11 tháng 12 năm 2025 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11 tháng 8 năm 2026 là 08 tháng. $(215.000.000 \text{ đồng} \times 1,2\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 20.640.000 \text{ đồng})$.

[4]. Xét ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh thì bị đơn có nghĩa vụ thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không giao nộp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho ý kiến phản đối của mình, mặt khác ý kiến của bị đơn không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và không được nguyên đơn thừa nhận. Đồng thời, tại “Giấy vay tiền” ngày 04/4/2022 thể hiện rõ ràng việc bà T có vay của bà K số tiền 215.000.000 đồng, hoàn toàn không có nội dung hay dấu vết ghi nhận về việc chơi huê hoặc tiền lãi phát sinh như bị đơn đã trình bày. Việc bà T cho rằng khoản nợ này đã gộp vào khoản vay 558.000.000 đồng cũng không có căn cứ. Bởi lẽ, quan hệ

tranh chấp đối với khoản nợ 558.000.000 đồng đã được giải quyết độc lập bằng Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2026/DS-ST ngày 27/01/2026. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Thông báo số: 109/TB-TA ngày 25/6/2026 không chấp nhận đơn đề nghị giám đốc thẩm của bà T đối với bản án này. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị T.

[5]. Từ những nhận định và phân tích tại các đoạn nêu trên, đồng thời đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ và sự liên quan giữa các chứng cứ với nhau. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị K là có căn cứ nên được chấp nhận. Cần buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Khúc Thị K số tiền 235.640.000 đồng (trong đó, tiền gốc 215.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh 20.640.000 đồng).

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị K được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7]. Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị K về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Khúc Thị K số tiền 235.640.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 215.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 20.640.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 11.782.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Khúc Thị Kiên số tiền 5.375.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại

Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Đắk Lắk, theo biên lai số 0005575, ngày 12 tháng 12 năm 2025.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND khu vực 9 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 9 - Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Năng Quân